

Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

15. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Số 02-Bis, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	31/12/2015
Tiền mặt	71.363.066	15.751.206
Tiền mặt VND	71.363.066	15.751.206
Tiền gửi ngân hàng	3.121.601.545	1.351.281.873
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn - CN Long Khánh	2.121.044.532	534.237.994
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Long Khánh	325.469.497	136.811.782
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Long Khánh	624.834.127	630.182.777
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Đồng Nai	50.253.389	50.049.320
Các khoản tương đương tiền	7.174.488.921	6.012.750.000
Tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 1 tháng	7.174.488.921	6.012.750.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đồng Nai	3.010.333.333	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Đồng Nai	3.164.155.588	3.012.750.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế VN - CN Đồng Nai	1.000.000.000	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	10.367.453.532	7.379.783.079		
2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31/12/2016	31/12/2015		
BQL Dự án Long Khánh	18.763.986	18.763.986		
Công ty TNHH MTV Địa Ốc Cao Su Đồng Nai	19.894.770	25.960.117		
Công ty Bình Sơn (MG Thanh An)	27.453.000	27.453.000		
Công ty CP Du Lịch Giang Điền	450.000.000	1.500.000.000		
Công ty CP Khu Công Nghiệp Long Khánh	74.754.945	26.708.200		
TT Phát Triển Quỹ Đất Huyện Long Thành Liên Tỉnh Đồng Nai	436.877.000	436.877.000		
Công ty Sonadezi An Bình - CT KCN Suối Tre	16.862.150	16.862.150		
Công ty Sonadezi An Bình - CT Đường D1, D6, D3	44.951.100	701.113.500		
Công trình Trường Sĩ Quan Lục Quân 2	504.044.000	3.100.044.000		
Khách Hàng Sử Dụng Nước Máy	2.525.883.970	2.194.581.910		
Khách Hàng Lắp Đặt thay Vật Tư	39.068.962	3.705.621		
Khách Hàng Mua Nước Đóng Chai	132.795.160	66.594.423		
Cộng	4.291.349.043	8.118.663.907		
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Khánh An Phát	1.208	3.850.000		
Công ty TNHH Kiểm Toán - Tư Vấn Đất Việt	19.250.000	15.000.000		
Công ty TNHH XNK TM Hoàng Phúc	-	61.980.000		
Công ty TNHH Vật Liệu Xây Dựng Hồ Hoàng	-	1.500.000.000		
Trung Tâm Kỹ Thuật Địa Chính Nhà Đất Tỉnh Đồng Nai	58.700.000	58.700.000		
Liên Hiệp Khoa Học SXĐC & Công Nghệ Khoáng	94.220.154	-		
Nguyễn Phương Thuý	-	5.000.000		
Công ty TNHH Tam Tấn	-	638.842		
Trịnh Thành Trung	5.111.700	5.111.700		
Cộng	177.283.062	1.650.280.542		
4. Phải thu ngắn hạn khác				
	31/12/2016	31/12/2015		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	15.093.067	-	11.978.111	-
Tạm ứng nhân viên	326.117.187	-	374.450.200	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	141.000.000	-
Cộng	341.210.254	-	527.428.311	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

Số 02-Bis, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Nợ xấu

	31/12/2016			31/12/2015		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
		Dự phòng			Dự phòng	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	27.453.000	-	27.453.000	27.453.000	-	27.453.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	27.453.000	-	27.453.000	27.453.000	-	27.453.000
Công ty TNHH Bình Sơn	27.453.000	-	27.453.000	27.453.000	-	27.453.000
Cộng	27.453.000	-	27.453.000	27.453.000	-	27.453.000

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng bán hàng, cung cấp dịch vụ,... đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

6. Hàng tồn kho

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	893.617.146	-	805.888.816	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	912.143.147	-	264.062.778	-
Thành phẩm	23.300.661	-	24.273.353	-
Cộng	1.829.060.954	-	1.094.224.947	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
Khoản mục						
Nguyên giá						
01/01/2016	11.145.847.774	3.445.230.240	22.043.701.269	302.515.400	166.000.000	37.103.294.683
Tăng trong năm	1.742.417.462	297.660.000	3.452.844.468	-	-	5.492.921.930
Mua trong năm	-	297.660.000	1.660.013.545	-	-	1.957.673.545
Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.742.417.462	-	1.792.830.923	-	-	3.535.248.385
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
31/12/2016	12.888.265.236	3.742.890.240	25.496.545.737	302.515.400	166.000.000	42.596.216.613
Giá trị hao mòn lũy kế						
01/01/2016	3.929.238.427	1.834.477.858	10.026.347.978	223.881.837	78.850.000	16.092.796.100
Tăng trong năm	581.569.785	305.883.058	1.026.764.867	15.585.226	16.599.996	1.946.402.932
Khấu hao trong năm	581.569.785	305.883.058	1.026.764.867	15.585.226	16.599.996	1.946.402.932
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
31/12/2016	4.510.808.212	2.140.360.916	11.053.112.845	239.467.063	95.449.996	18.039.199.032
Giá trị còn lại						
31/12/2015	7.216.609.347	1.610.752.382	12.017.353.291	78.633.563	87.150.000	21.010.498.583
31/12/2016	8.377.457.024	1.602.529.324	14.443.432.892	63.048.337	70.550.004	24.557.017.581
Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						
31/12/2015	1.603.115.706	564.365.039	316.158.444	130.386.000	-	2.614.025.189
31/12/2016	1.603.115.706	564.365.039	717.722.692	189.695.400	-	3.074.898.837

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 02/Bis, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

	01/01/2016	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2016
<i>Phần mềm máy tính</i>				
Nguyên giá	110.000.000	-	-	110.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	(20.166.667)	(11.000.004)	-	(31.166.671)
Giá trị còn lại	89.833.333	(11.000.004)	-	78.833.329

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016	31/12/2015
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	-	1.316.150.000
Xe Toyota Fortuner 2,7	-	1.109.150.000
Xe Huynhdai HD72	-	207.000.000
<i>Xây dựng cơ bản</i>	161.233.843	-
Giếng khoan KCN Suối Tre 1	11.342.762	-
Giếng khoan KCN Suối Tre 2	11.233.256	-
Giếng khoan phường Xuân Trung	12.626.410	-
Giếng khoan, tuyến ống cấp nước vườn điều - QL56	279.715	-
Giếng khoan, tuyến ống cấp nước QL1 và khu 9 Cẩm Tân	117.751.700	-
Công trình trạm bơm số 5 phường Xuân Hòa	4.000.000	-
Công trình sửa chữa sân, nhà xe, văn phòng công ty	4.000.000	-
Cộng	161.233.843	1.316.150.000

10. Chi phí trả trước dài hạn

Thổi rửa, sửa giếng	-	21.818.178
Chi phí công cụ, dụng cụ	216.372.858	310.878.973
In 500.000 HĐ tiền nước 3 năm	47.174.996	138.950.000
Tư vấn thiết kế	-	6.833.336
Dịch vụ môi trường rừng	-	100.824.375
Chi phí bồi thường đất	25.858.719	60.337.011
Cộng	289.406.573	639.641.873

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 02/Bis, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Phải trả người bán**

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	443.051.111	443.051.111	530.782.462	530.782.462
Công ty CP Cấp nước Đồng Nai	68.956.584	68.956.584	68.956.584	68.956.584
Công ty CP Cấp nước Long Khánh	-	-	8.329.600	8.329.600
Công ty TNHH MTV Khánh Đông Nam	344.498	344.498	344.498	344.498
Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Minh Hoà	-	-	35.164.030	35.164.030
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	59.779.500	59.779.500	-	-
Công ty CP Nhựa Tân Tiến	-	-	106.971.150	106.971.150
Công ty TNHH Thanh Sơn Tính	39.837.665	39.837.665	142.516.000	142.516.000
Công ty TNHH MTV Cường Thuận	78.151.000	78.151.000	32.476.000	32.476.000
Công ty TNHH Xây dựng Phúc Gia Huy	-	-	4.400.000	4.400.000
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Hồ Hoàng	127.829.000	127.829.000	-	-
Công ty TNHH Tâm Lộc Phát	25.724.600	25.724.600	50.664.600	50.664.600
Công ty TNHH Phùng Hữu	34.814.264	34.814.264	-	-
Công ty LD TNHH Đồng hồ Nước ZENNER-COMA	-	-	80.960.000	80.960.000
Công ty TNHH MTV Đạt Thành Nguyên	7.614.000	7.614.000	-	-
Cộng	443.051.111	443.051.111	530.782.462	530.782.462

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

		31/12/2016	31/12/2015	
Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty CP Cấp nước Đồng Nai		68.956.584	68.956.584	
Cộng		68.956.584	68.956.584	
12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
BQL Dự án Long Khánh - Đường Huỳnh Văn Nghệ		264.939.000	258.636.000	
Cộng		264.939.000	258.636.000	
13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Chỉ tiêu	01/01/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2016
Thuế GTGT hàng bán nội địa/ dịch vụ cung cấp trong nước	610.905.680	542.724.160	971.506.900	182.122.940
Thuế thu nhập doanh nghiệp	563.560.124	1.647.799.644	1.757.560.124	453.799.644
Thuế thu nhập cá nhân	38.042.846	327.792.975	307.205.948	58.629.873
Thuế tài nguyên	80.215.028	1.336.917.794	1.269.532.042	147.600.780
Tiền thuê đất	-	4.926.044	4.926.044	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí khác	61.734.271	800.675.432	798.204.977	64.204.726
Cộng	1.354.457.949	4.663.836.049	5.111.936.035	906.357.963

- Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng:

- Bán nước máy : 5%
- Bán nước đóng chai, cung cấp dịch vụ lắp đặt, sửa chữa : 10%

- Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.9.

- Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác hàng năm theo qui định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Số 02-Bis, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016	31/12/2015
Chi phí công trình Hệ thống nước Trường sỹ quan lục quân 2	-	2.324.171.818
Cộng	-	2.324.171.818

15. Phải trả ngắn hạn khác

Kinh phí công đoàn	-	2.845.176
Bảo hiểm xã hội	9.861.882	10.977.825
Bảo hiểm y tế	4.367.217	4.388.944
Bảo hiểm thất nghiệp	1.526.821	1.532.945
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	43.600.000	73.250.000
<i>Đặt cọc vỏ bình nước</i>	<i>3.600.000</i>	<i>3.250.000</i>
<i>Đặt cọc sử dụng nước máy</i>	<i>40.000.000</i>	<i>70.000.000</i>
Các khoản phải trả, phải nộp khác	81.552.584	272.396.675
<i>Cổ tức phải trả cho cổ đông</i>	<i>12.777.500</i>	<i>1.947.500</i>
<i>Quỹ khen thưởng HĐQT & BKS</i>	<i>-</i>	<i>204.938.000</i>
<i>Phí bảo vệ môi trường</i>	<i>7.133.859</i>	<i>6.859.364</i>
<i>Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Đồng Nai</i>	<i>61.178.400</i>	<i>55.619.960</i>
<i>Thu tiền nước dư</i>	<i>462.825</i>	<i>3.031.851</i>
Cộng	140.908.504	365.391.565

16. Vay và nợ tài chính ngắn hạn

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	-	-	928.760.000	928.760.000	-	-
Cộng	-	-	928.760.000	928.760.000	-	-

Hợp đồng tín dụng số 116-010116/2016-HĐTD/NHCT680 ngày 28 tháng 02 năm 2016

Số tiền vay : 3.000.000.000 VND.

Mục đích sử dụng : Bổ sung vốn kinh doanh.

Thời hạn vay : 20 ngày kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Lãi suất : 7%/ năm.

Tài sản đảm bảo : Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 680-LOS-116-300147515-810-PB 0018085 trị giá 3.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Tại ngày 01 tháng 01	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	Sử dụng các quỹ trong năm	Tại ngày 31 tháng 12
2015				
Quỹ khen thưởng	46.417.079	450.863.600	466.878.000	30.402.679
Quỹ phúc lợi	(201.750.549)	163.950.400	84.766.900	(122.567.049)
Cộng	(155.333.470)	614.814.000	551.644.900	(92.164.370)
2016				
Quỹ khen thưởng	30.402.679	275.048.384	371.649.700	(66.198.637)
Quỹ phúc lợi	(122.567.049)	279.370.284	31.780.000	125.023.235
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	-	269.986.384	-	269.986.384
Cộng	(92.164.370)	824.405.052	403.429.700	328.810.982

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 02 Bís, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2015	25.000.000.000	85.464.672	3.666.520.251	4.098.760.048	32.850.744.971
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	5.500.967.685	5.500.967.685
Trích lập các quỹ	-	-	983.946.048	(983.946.048)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(614.814.000)	(614.814.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
31/12/2015	25.000.000.000	85.464.672	4.650.466.299	5.500.967.685	35.236.898.656
01/01/2016	25.000.000.000	85.464.672	4.650.466.299	5.500.967.685	35.236.898.656
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	6.454.198.574	6.454.198.574
Trích lập các quỹ	-	-	1.675.822.533	(1.675.822.533)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(825.145.152)	(825.145.152)
Chia cổ tức	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
31/12/2016	25.000.000.000	85.464.672	6.326.288.832	6.454.198.574	37.865.952.078

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600979223 ngày 11 tháng 6 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, vốn điều lệ của Công ty là 25.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ ba ngày 11/6/2013		31/12/2016	31/12/2015
	VND	%	VND	VND
	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	12.750.000.000	51,00%	12.750.000.000
Công đoàn	250.000.000	1,00%	250.000.000	250.000.000
Vốn người lao động	9.259.000.000	37,04%	9.259.000.000	9.259.000.000
Nhà đầu tư chiến lược	2.450.000.000	9,80%	2.450.000.000	2.450.000.000
Cổ đông khác	291.000.000	1,16%	291.000.000	291.000.000
Cộng	25.000.000.000	100,00%	25.000.000.000	25.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2016	31/12/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.500.000	2.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.500.000	2.500.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.500.000	2.500.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 số 22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2016 như sau:

	2016	2015
Chia cổ tức cho các cổ đông	3.000.000.000	2.500.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	1.675.822.533	983.946.048
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	825.145.152	614.814.000
Cộng	5.500.967.685	4.098.760.048

Trong đó, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích bổ sung từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 với số tiền 825.145.152 VND và tạm trích lập cho năm 2016 với số tiền 968.129.786 VND.

Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2016	2015
Doanh thu bán nước máy	26.186.942.800	22.821.151.900
Doanh thu bán nước đóng chai	958.956.606	668.114.819
Doanh thu lắp đặt, sửa chữa	6.207.745.893	13.080.439.587
Cộng	33.353.645.299	36.569.706.306

*Doanh thu đối với các bên liên quan**Công ty Cổ Phần Cấp nước Đồng Nai**Cộng*

3.778.500.139	-
3.778.500.139	-

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Hàng bán bị trả lại

3.330.157	-
-----------	---

Cộng

3.330.157	-
------------------	----------

3. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp nước máy

9.170.763.225	7.055.149.097
---------------	---------------

Giá vốn cung cấp nước đóng chai

937.351.467	687.344.863
-------------	-------------

Giá vốn lắp đặt, sửa chữa

5.486.434.925	11.859.689.038
---------------	----------------

Cộng

15.594.549.617	19.602.182.998
-----------------------	-----------------------

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi có kỳ hạn

295.954.496	188.076.579
-------------	-------------

Lãi tiền gửi không kỳ hạn

20.777.781	24.558.419
------------	------------

Cộng

316.732.277	212.634.998
--------------------	--------------------

5. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay

3.611.844	11.666.667
-----------	------------

Cộng

3.611.844	11.666.667
------------------	-------------------

6. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên

1.932.742.367	1.435.055.911
---------------	---------------

Chi phí nguyên vật liệu, bao bì

989.535.306	866.106.576
-------------	-------------

Chi phí dụng cụ, đồ dùng

154.276.276	87.207.720
-------------	------------

Chi phí khấu hao

20.443.416	41.140.266
------------	------------

Chi phí dịch vụ mua ngoài

8.322.727	5.800.000
-----------	-----------

Chi phí bằng tiền khác

62.321.287	57.633.618
------------	------------

Cộng

3.167.641.379	2.492.944.091
----------------------	----------------------

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 02 Bís, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2016	2015
Chi phí nhân viên	3.768.252.284	4.637.363.887
Chi phí nguyên vật liệu	23.583.441	134.207.481
Chi phí đồ dùng văn phòng	166.042.557	215.671.896
Chi phí khấu hao	311.272.942	1.267.946.778
Thuế, phí và lệ phí	1.258.150.191	59.302.395
Chi phí dịch vụ mua ngoài	230.345.053	191.470.589
Chi phí bằng tiền khác	1.042.362.488	794.174.282
Cộng	6.800.008.956	7.300.137.308

8. Lợi nhuận (lỗ) khác

Thu nhập khác	3.016.811	-
Xử lý công nợ	3.016.811	-
Chi phí khác	2.254.216	289.041.413
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	23.708.924
Xuất giảm doanh thu	-	265.331.602
Xuất vật tư bảo hành	1.108.000	-
Phạt chậm nộp thuế	1.000.000	-
Xử lý công nợ	146.216	887
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	762.595	(289.041.413)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	8.101.998.218	7.086.368.827
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	137.000.000	120.000.000
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(136.000.000)	(120.000.000)
<i>Thù lao HĐQT không tham gia hoạt động SXKD</i>	<i>(136.000.000)</i>	<i>(120.000.000)</i>
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.000.000	-
<i>Chi phí phạt chậm nộp thuế</i>	<i>1.000.000</i>	-
Trừ: Lỗ các năm trước được kết chuyển	-	-
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)	8.238.998.218	7.206.368.827
Thuế suất áp dụng	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.647.799.644	1.585.401.142
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.647.799.644	1.585.401.142

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Lãi trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2016	2015
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.454.198.574	5.500.967.685
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	968.129.786	825.145.153
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.486.068.788	4.675.822.532
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.194	1.870

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.454.198.574	5.500.967.685
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	968.129.786	825.145.153
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.486.068.788	4.675.822.532
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	5.486.068.788	4.675.822.532
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<i>Cộng: Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu có thể được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	2.500.000	2.500.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.194	1.870

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2016	2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.479.718.431	7.672.029.420
Chi phí nhân công	11.672.761.976	14.083.075.254
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.957.402.936	2.827.951.651
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.121.266.111	4.128.743.496
Chi phí bằng tiền khác	2.978.158.175	911.110.295
Cộng	26.209.307.629	29.622.910.116

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	2016	2015
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	15.093.067	11.978.111
Mua sắm tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp	5.195.261.930	-

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	2016	2015
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu năm trước đã thu trong năm nay	11.978.111	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan****Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Công ty CP Cấp nước Đồng Nai

Mối quan hệ

Công ty mẹ

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	2016	2015
Công ty CP Cấp nước Đồng Nai		
Chi phí bồi thường đất	-	68.956.584
Bán hàng	-	5.500.000
Xây lắp công trình	3.778.500.139	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 02 Bís, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Công ty CP Cấp nước Đồng Nai		
Phải trả	68.956.584	68.956.584

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>2016</u>
Tiền lương, phụ cấp	2.025.788.900

2. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>31/12/2016</u>		<u>31/12/2015</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.367.453.532	10.367.453.532	7.379.783.079	7.379.783.079
Phải thu của khách hàng	4.291.349.043	4.263.896.043	8.118.663.907	8.091.210.907
Phải thu khác	15.093.067	15.093.067	152.978.111	152.978.111
Cộng	<u>14.673.895.642</u>	<u>14.646.442.642</u>	<u>15.651.425.097</u>	<u>15.623.972.097</u>
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	443.051.111	443.051.111	530.782.462	530.782.462
Chi phí phải trả	-	-	2.324.171.818	2.324.171.818
Phải trả khác	112.375.084	112.375.084	138.761.175	138.761.175
Cộng	<u>555.426.195</u>	<u>555.426.195</u>	<u>2.993.715.455</u>	<u>2.993.715.455</u>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp cho từng đối tượng khách hàng và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi nợ, tiến hành phân tích tuổi nợ, đánh giá tổn thất nợ phải thu do không có khả năng thu hồi và đồng thời xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi tại ngày lập Báo cáo tài chính theo quy định hiện hành.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Số 02-Bis, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.367.453.532	-	-	10.367.453.532
Phải thu của khách hàng	4.263.896.043	-	-	4.263.896.043
Phải thu khác	15.093.067	-	-	15.093.067
Cộng	14.646.442.642	-	-	14.646.442.642
Phải trả cho người bán	443.051.111	-	-	443.051.111
Phải trả khác	112.375.084	-	-	112.375.084
Cộng	555.426.195	-	-	555.426.195
Chênh lệch thanh khoản thuần	14.091.016.447	-	-	14.091.016.447
31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.379.783.079	-	-	7.379.783.079
Phải thu của khách hàng	8.091.210.907	-	-	8.091.210.907
Phải thu khác	152.978.111	-	-	152.978.111
Cộng	15.623.972.097	-	-	15.623.972.097
Phải trả cho người bán	530.782.462	-	-	530.782.462
Chi phí phải trả	2.324.171.818	-	-	2.324.171.818
Phải trả khác	138.761.175	-	-	138.761.175
Các khoản vay	-	-	-	-
Cộng	2.993.715.455	-	-	2.993.715.455
Chênh lệch thanh khoản thuần	12.630.256.642	-	-	12.630.256.642

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Tỉnh Đồng Nai, ngày 09 tháng 01 năm 2017



LÊ VĂN THỜI
Giám đốc

LÊ VĂN ANH
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG
Người lập biểu

Đồng Nai ngày 15 tháng 02 năm 2017
Giám Đốc



Lê Văn Thới
Lê Văn Thới

